

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (Hạ Lang)

Môn: Phần A. IV. Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7,00	Bảy	41	Triệu Thúy Mơ	6,00	Sáu
2	Triệu Thị Chiêm	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị My	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Chinh	7,00	Bảy	43	Nông Văn Nam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,00	Bảy
5	Nông Thị Chuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Lã Thị Nga	8,00	Tám
6	Đàm Bích Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	46	Đường Văn Ngọc	5,75	Năm phẩy bảy năm
7	Phạm Thị Dịu	7,00	Bảy	47	Phùng Ánh Nguyệt	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	6,00	Sáu
9	Hoàng Thị Định	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Trần Thị Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Bé Thị Đoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Phạm Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,50	Bảy phẩy năm	51	Nông Thị Quy	7,50	Bảy phẩy năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Riên	7,00	Bảy
13	Hoàng Văn Hành	7,25	Tám	53	Nông Văn Siên	6,50	Sáu phẩy năm
14	Hoàng Minh Hậu	7,00	Bảy	54	Hoàng Thị Tâm	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Nông Thị Hiền	7,00	Bảy	55	Nông Thị Thạch	7,00	Bảy
16	Đàm Văn Hiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Đinh Viết Thiện	6,25	Sáu phẩy hai năm
17	Hoàng Thị Hoa	8,00	Tám	57	Mã Thị Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
18	Phan Triệu Học	7,25	Bảy phẩy hai năm	58	Nông Thị Thoa	7,00	Bảy
19	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	59	Bé Văn Thoại	6,50	Sáu phẩy năm
20	Nông Thị Hợp	7,00	Bảy	60	Nông Thị Thu	7,00	Bảy
21	Nông Văn Huân	8,00	Tám	61	Nông Ngọc Thụ	5,50	Năm phẩy năm
22	Triệu Bích Huệ	8,00	Tám	62	Mã Thị Thương	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	63	Hà Văn Thượng	7,50	Bảy phẩy năm
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	6,00	Sáu
25	Đàm Thị Hương	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Nông Linh Thủy	8,00	Tám
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,00	Bảy	66	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	67	Hoàng Văn Tú	6,00	Sáu
28	Đường Thị Kết	8,00	Tám	68	Hoàng Thị Bích Từ	6,25	Sáu phẩy hai năm
29	Lương Thị Vân Khánh	5,50	Năm phẩy năm	69	Bạch Văn Tùng	6,00	Sáu
30	Lương Thị Hồng Lê	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Phạm Thị Tươi	8,00	Tám
31	Lương Thị Liễu	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Triệu Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Linh	8,00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	7,00	Bảy	73	Bé Thị Ánh Tuyết	6,75	Sáu phẩy bảy năm
34	La Thị Loan	7,00	Bảy	74	Lộc Thị Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nông Thị Thanh Loan	6,75	Sáu phẩy bảy năm	75	Lý Thị Vân	7,00	Bảy
36	Phạm Minh Loan	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nông Thị Vân	6,25	Sáu phẩy hai năm
37	Hà Thị Luyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	77	Lộc Thị Viên	6,00	Sáu
38	Nông Thị Luyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	78	Chu Văn Xuyên	6,00	Sáu
39	Đàm Thị Mến	7,50	Bảy phẩy năm	79	Hứa Văn Du	8,00	Tám
40	Long Nông Nữ Minh	8,00	Tám				

Điểm 5,50: 02 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 07 điểm; Điểm 6,25: 03 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 16 điểm; Điểm 7,25: 13 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 02 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Uue

Uue



Hoang

Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân thùy

Trịnh Thị Ánh Hoa